TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Tình và bà Hoàng Thị Thoan
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Số A, N, N, Tokai-shi, A-ken, J (Nhật Bản); vắng mặt.

Thân nhân của anh Trần Văn H1: Bà Lê Thị H2, sinh năm 1966 (mẹ đẻ của anh H1); địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 7 năm 2014 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của chị H ở thôn N, xã H, huyện B. Đến năm 2022 vợ chồng bàn bạc để anh H1 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, thời gian đầu ở nước ngoài anh H1 vẫn thường xuyên điện thoại về thăm hỏi, động viên vợ con. Từ cuối năm 2022 cho đến nay, anh H1 không còn quan tâm đến vợ con, không liên lạc với chị, không lo cho cuộc sống gia đình nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tuy hai gia đình nội ngoại đã khuyên bảo mong vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy vợ chồng mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ

chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/01/2015 và Trần Phạm Ngọc D, sinh ngày 13/4/2017; hiện nay các con đang ở với bà nội. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Ngọc T, giao con trai Trần Phạm Ngọc D cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại anh H1 đang ở nước ngoài nên tạm giao con Trần Phạm Ngọc D cho ông bà nội chăm sóc, khi nào anh H1 về nước thì ông bà nội sẽ có trách nhiệm giao con cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Trần Văn H1, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh Trần Văn H1, tại phiên tòa anh H1 không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 30/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Công văn số 2707/CV-TA về việc yêu cầu Phòng Q – Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Trần Văn H1. Tại Công văn số 2214/CV-QLXNC ngày 16/8/2024 của Phòng Q – Công an tỉnh Q cung cấp thông tin anh Trần Văn H1 đã xuất cảnh ngày 23/5/2022 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Ngày 18/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ, lấy lời khai của thân nhân anh Trần Văn H1 là bà Lê Thị H2 (mẹ đẻ của anh H1) và tiến hành xác minh nơi cư trú của anh H1, cũng như các nội dung liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị H. Bà H2 cho biết anh H1 và chị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2014 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà ngoại ở thôn N, xã H, huyện B. Trước khi anh H1 đi nước ngoài thì giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau; sau khi anh H1 đi nước ngoài thì tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh H1 đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh H1 có 02 con chung là Trần Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/01/2015 và Trần Phạm Ngọc D, sinh ngày 13/4/2017; hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội. Anh H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con; hiện tại anh H1 đang ở nước ngoài nên các cháu tạm thời do ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu tiền là tùy thuộc vào chị H, anh H1 không yêu cầu. Hiện tại anh H1 vẫn gửi tiền về cho bà để bà nuôi các cháu ăn học. Về tài sản, nợ chung của vợ chồng chị H, anh H1 không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy

định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1; Về con chung đề nghị xử giao Trần Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/01/2015 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Phạm Ngọc D, sinh ngày 13/4/2017 cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; hiện tại anh H1 đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu D cho bà Lê Thị H2 là mẹ của anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung chị H trình bày không có nên không xem xét; Đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, thân nhân của bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 2214/CV-QLXNC ngày 16/8/2024 của Phòng Q – Công an tỉnh Q thì anh Trần Văn H1 đã xuất cảnh ngày 23/5/2022 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị H2 là mẹ đẻ của anh Trần Văn H1; đồng thời tiến hành lập biên bản về việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Trần Văn H1 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tống đạt đến Cơ quan Đ tại Nhật Bản để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Trần Văn H1 đồng thời tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H, thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả.

Sau đó Tòa án đã thông báo cho anh Trần Văn H1 biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị H và anh H1 trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đ1 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (04, 05, 06/12/2024) nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh H1. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H, anh Trần Văn H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2022 anh H1 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, thời gian đầu ở nước ngoài anh H1 vẫn thường xuyên điện thoại về thăm hỏi, động viên vợ con; từ cuối năm 2022 cho đến nay, giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn, anh H1 không còn quan tâm đến vợ con, không liên lạc với chị H, không lo cho cuộc sống gia đình. Tuy hai gia đình nội ngoại đã khuyên bảo mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà Lê Thị H2 là mẹ của anh H1 cũng đã xác nhận việc trước khi anh H1 đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, nhất là khi anh H1 đi nước ngoài thì tình cảm giữa vợ chồng càng phai nhạt. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị H, anh H1 có 02 con chung là Trần Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/01/2015 và Trần Phạm Ngọc D, sinh ngày 13/4/2017; hiện tại đang ở cùng ông bà nội. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con gái Trần Phạm Ngọc T, giao con trai Trần Phạm Ngọc D cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua xác minh thông tin từ bà Lê Thị H2 là mẹ đẻ của anh H1 thì anh H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Xét thấy, hiện tại anh H1 đang lao động và sinh sống ở nước ngoài, trong thời gian đó cả hai cháu được bà nội là Lê Thị H2 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Tuy nhiên nếu giao cho bà H2 là mẹ của anh H1 chăm sóc cả hai cháu thì sẽ rất khó khăn. Mặt khác, tại Bản tự khai cháu Trần Phạm Ngọc T có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, cháu Trần Phạm Ngọc D có nguyện vọng được ở cùng với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cháu Trần Phạm Ngọc T cho chị H và giao cháu Trần Phạm Ngọc D cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đảm bảo nguyện vọng của mỗi bên.

Tạm thời giao cháu Trần Phạm Ngọc D cho bà nội (bà Lê Thị H2) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, sau này khi anh H1 về nước giao cháu D cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung:* Không có, chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài:*

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng thông tin trên VOV5: Chị H phải chịu 3.170.000 đồng (chị H đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Trần Phạm Ngọc T, sinh ngày 04/01/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Phạm Ngọc D, sinh ngày 13/4/2017 cho anh Trần Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời giao cháu Trần Phạm Ngọc D cho bà nội (bà Lê Thị H2) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 ở nước ngoài, sau này khi anh H1 về nước giao cháu D cho anh H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị H và anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không có ai yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí:* Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005003 ngày 22/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng VOV5 chị H phải chịu 3.170.000 đồng (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án xử sơ thẩm công khai, chị Phạm Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ; anh Trần Văn H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2025).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND phường Bắc Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn